Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0505.10.90

Mã HS	0505.10.90
Mô tả hàng hóa	Da và các bộ phận khác của loài chim và gia cầm, có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ và các phần của lông vũ (đã hoặc chưa cắt tỉa) và lông tơ, mới chỉ được làm sạch, khử trùng hoặc xử lý để bảo quản; bột và phế liệu từ lông vũ hoặc các phần của lông vũ / - Lông vũ dùng để nhồi; lông tơ: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 21:12:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/05051090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K943
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N943
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q943
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E929
ATIGA	2022	2022	0	AT!E930
ATIGA	2023	2023	0	AT!F930
ATIGA	2024	2024	0	AT!G930
ATIGA	2025	2025	0	AT!H930
ATIGA	2026	2026	0	AT!I930
ATIGA	2027	2027	0	AT!J930
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E932
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F932
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G932
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H932

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I932
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J932
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E934
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F934
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G934
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H934
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I934
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J934
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F936
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H931
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F932
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G932
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H932
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I932
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J932
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K932
VKFTA	2022	2022	0	VK!E930
VKFTA	2023	2023	0	VK!F930
VKFTA	2024	2024	0	VK!G930
VKFTA	2025	2025	0	VK!H930
VKFTA	2026	2026	0	VK!I930
VKFTA	2027	2027	0	VK!J930
VCFTA	2022	2022	0	VC!D941
VCFTA	2023	2023	0	VC!E941
VCFTA	2024	2024	0	VC!F941
VCFTA	2025	2025	0	VC!G941

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H941
VCFTA	2027	2027	0	VC!I941
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D938
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E938
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F938
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G938
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H938
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I938
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D187
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E187
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D947
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E947
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F947
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G947
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H947
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I947
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D931
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E931
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F931
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G931
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H931
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I931
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D933
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E933
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F933
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G933

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H933
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I933
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D931
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E931
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F931
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G931
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H931
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I931
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J931
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D934
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E934
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F934
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G934
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H934
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I934
RCEP B	2022	2022	0	B!D934
RCEP B	2023	2023	0	B!E934
RCEP B	2024	2024	0	B!F934
RCEP B	2025	2025	0	B!G934
RCEP B	2026	2026	0	B!H934
RCEP B	2027	2027	0	B!I934
RCEP C	2022	2022	0	C!D934
RCEP C	2023	2023	0	C!E934
RCEP C	2024	2024	0	C!F934
RCEP C	2025	2025	0	C!G934
RCEP C	2026	2026	0	C!H934

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I934
RCEP D	2022	2022	0	D!D934
RCEP D	2023	2023	0	D!E934
RCEP D	2024	2024	0	D!F934
RCEP D	2025	2025	0	D!G934
RCEP D	2026	2026	0	D!H934
RCEP D	2027	2027	0	D!I934
RCEP E	2022	2022	0	E!D934
RCEP E	2023	2023	0	E!E934
RCEP E	2024	2024	0	E!F934
RCEP E	2025	2025	0	E!G934
RCEP E	2026	2026	0	E!H934
RCEP E	2027	2027	0	E!I934
RCEP F	2022	2022	0	F!D934
RCEP F	2023	2023	0	F!E934
RCEP F	2024	2024	0	F!F934
RCEP F	2025	2025	0	F!G934
RCEP F	2026	2026	0	F!H934
RCEP F	2027	2027	0	F!I934
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F906
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G906
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H906
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I906

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0505.10 có 2 dòng thuế; dòng 0505.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0505.10 Lông vũ của vịt, ngan	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0505.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0505.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N943), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.